



Số: 004400 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03779.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : SỮA CHUA ÍT ĐƯỜNG VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: S - SCA - 04
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 04 hộp x 100 g
Ngày nhận mẫu : 09/03/2018
Người gửi mẫu : Trần Phương Nguyên
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Listeria monocytogenes	TCVN 7700-2:2007 [ISO 11290-2:1998 with Amendment 1:2004]	< 10 CFU /g	09/03/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2018



PGS.TS.BS Đặng Văn Chính



Số: **004401** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03781.18



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : SỮA CHUA ÍT ĐƯỜNG VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: S - SCA - 04
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 04 hộp x 100 g
Ngày nhận mẫu : 09/03/2018
Người gửi mẫu : Trần Phương Nguyên
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	12/03/2018
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	12/03/2018
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.04/TT.AAS - Modify AOAC 971.21:2012 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/kg	12/03/2018
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	12/03/2018
5	Antimon (Sb)	HD.PP.05/TT.AAS-Ref. AOAC 964.16 - 2012	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	12/03/2018

Mã số mẫu: 03781.18

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2018

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM**



Ths. Nguyễn Đức Thịnh

VIỆN TRƯỞNG



PGS.TS.BS Đặng Văn Chính



Số: **004402** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03782.18



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : SỮA CHUA ÍT ĐƯỜNG VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: S - SCA - 04
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 04 hộp x 100 g
Ngày nhận mẫu : 09/03/2018
Người gửi mẫu : Trần Phương Nguyên
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (a)	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	12/03/2018
2	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	10/03/2018

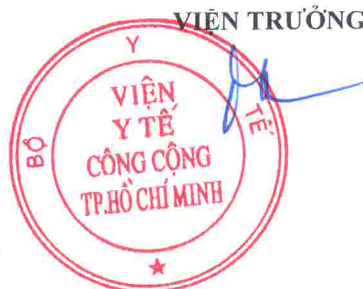
Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2018



PGS.TS.BS Đặng Văn Chính

Số: **004398** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03783.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : SỮA CHUA ÍT ĐƯỜNG VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: S - SCA - 04
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 10 hộp x 100 g
Ngày nhận mẫu : 09/03/2018
Người gửi mẫu : Trần Phương Nguyên
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Clenbuterol	Ref. CLG-AGON1.08	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	13/03/2018
2	Cyfluthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,03 mg/kg	15/03/2018
3	Cyfluthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	15/03/2018
4	Cyhalothrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	15/03/2018
5	Cypermethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
6	Deltamethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/03/2018
7	Deltamethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	15/03/2018
8	Endosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
9	Bifenthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
10	Chlorpyrifos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
11	Chlorpyrifos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018

Mã số mẫu: 03783.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Diclorvos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
13	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
14	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
15	Ethephon	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	11/03/2018
16	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
17	Lindan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
18	Methidathion	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	15/03/2018
19	Aldrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
20	Dieldrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
21	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	15/03/2018
22	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
23	Diazinon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
24	Diphenylamin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	15/03/2018
25	Fenprothrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018
26	Fenvalerate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018
27	Heptachlor	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
28	Permethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018
29	Phorate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
30	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
31	Cypermethrin và alpha-cypermethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 40 µg/kg	15/03/2018
32	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1,0 µg/kg	10/03/2018
33	Procaïn benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1,0 µg/kg	10/03/2018
34	Clortetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	12/03/2018
35	Oxytetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	12/03/2018
36	Tetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	12/03/2018
37	Dihydrostreptomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	11/03/2018



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
38	Streptomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	11/03/2018
39	Gentamicin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	11/03/2018
40	Spiramycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 5,0 µg/kg	10/03/2018
41	Ceftiofur	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	10/03/2018
42	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	10/03/2018
43	Neomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 150 µg/kg	11/03/2018
44	Pirlimycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	10/03/2018
45	Spectinomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	11/03/2018
46	Sulfadimidin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	10/03/2018
47	Diminazen	Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	10/03/2018
48	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	10/03/2018
49	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	10/03/2018
50	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	15/03/2018
51	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	15/03/2018
52	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	15/03/2018
53	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	15/03/2018
54	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	10/03/2018
55	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	10/03/2018
56	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	15/03/2018
57	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	15/03/2018
58	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	15/03/2018
59	Acephate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
60	Aldicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
61	Aminopyralid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
62	Amitraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
63	2,4-D	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	15/03/2018

Mã số mẫu: 03783.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
64	Bentazone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
65	Bifenazate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
66	Bitertanol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
67	Carbaryl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
68	Carbendazim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
69	Carbofuran	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
70	Carbosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/03/2018
71	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,15 mg/kg	11/03/2018
72	Chlorpropham	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0004 mg/kg	15/03/2018
73	Clethodim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
74	Clofentezine	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
75	Cyhexatin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
76	Cyprodinil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	15/03/2018
77	Cyromazin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
78	Difenoconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	15/03/2018
79	Dimethenamid-p	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
80	Dimethipin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
81	Dimethomorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
82	Diquat	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	11/03/2018
83	Dithiocarbamate	Ref. CRL, Version 2 (2009)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	13/03/2018
84	Ethoprophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
85	Fenamiphos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	15/03/2018
86	Fenbuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
87	Fenbutatin oxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
88	Fenpropimorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
89	Fludioxonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
90	Flutolanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
91	Glufosinat-ammonium	Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	11/03/2018
92	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
93	Indoxacarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018
94	Kresoxim-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
95	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
96	Methomyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
97	Methoxyfenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
98	Myclobutanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
99	Novaluron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,2 mg/kg	15/03/2018
100	Oxamyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
101	Oxydemeton-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
102	Paraquat	Ref. EURL-SRM, version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	11/03/2018
103	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
104	Pirimicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
105	Pirimiphos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
106	Prochloraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
107	Profenofos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
108	Propamocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
109	Propiconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
110	Pyraclostrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/03/2018
111	Pyrimethanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
112	Quinoxifen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
113	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 mg/kg	15/03/2018
114	Tebuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
115	Tebufenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018

Mã số mẫu: 03783.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
116	Terbufos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
117	Thiacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
118	Triadimefon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
119	Triadimenol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
120	Trifloxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
121	Vinclozolin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
122	Dicofol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018
123	Diflubenzuron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/03/2018
124	Famoxadone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/03/2018
125	Fenhexamid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/03/2018
126	Fenpyroximate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	15/03/2018
127	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
128	Flusilazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	15/03/2018
129	Methoprene	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018
130	Propargite	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	15/03/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM



Ths. Nguyễn Đức Thịnh



PGS.TS.BS Đặng Văn Chính